

NGUỒN LỰC NGÔN NGỮ THỂ HIỆN PHÁN XÉT (JUDGEMENT) TRONG TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN TRẠNG QUỲNH

NGUYỄN THỊ VIỆT LÊ¹
TRƯƠNG THỊ THANH HOÀI²

Abstracts: Drawing upon Systemic Functional Linguistics (SFL) founded by M.A.K. Halliday, this paper utilizes the Appraisal Framework developed by Martin & White (2005) to investigate the linguistic resources of the Judgement subsystem - in Trạng Quỳnh folk humor. Based on the survey results, the study examines how locutors realize interpersonal functions to negotiate attitudes and social standing. The findings not only contribute to validating and extending the application of the Appraisal Framework to Vietnamese data but also propose a multi-dimensional approach to researching and teaching folk literature from the perspective of Systemic Functional Linguistics.

Keywords: *Systemic Functional Linguistics, Appraisal Framework, Judgement, Social Esteem, Social Sanction.*

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ học chức năng hệ thống ra đời đã nhìn nhận ngôn ngữ như nguồn lực tạo nghĩa, gồm ba nghĩa, thực chất là ba siêu chức năng của ngôn ngữ: siêu chức năng kinh nghiệm, siêu chức năng liên nhân và siêu chức năng văn bản. Dựa trên Ngữ pháp chức năng hệ thống của M.A.K. Halliday, *Khung đánh giá* (Appraisal Framework) do Martin và White (2005) đề xuất là mô hình toàn diện giúp giải mã cách thức chủ thể biểu đạt lập trường, quan điểm và thái độ. *Khung đánh giá* thuộc tầng ngữ nghĩa diễn ngôn và được phát triển từ siêu chức năng liên nhân, gồm ba hệ thống: *Thái độ* (Attitude), *Giọng điệu* (Engagement) và *Thang độ* (Graduation).

Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ tập trung vào tiểu phạm trù *Phán xét* (Judgement) trong hệ thống *Thái độ*. *Phán xét* tập trung xem xét các hành vi cá nhân đối chiếu với các chuẩn mực đạo đức hoặc xã hội. Đặc điểm này mở ra hướng tiếp cận phù hợp với diễn ngôn văn học dân gian - nơi việc đánh giá nhân vật và phán xét hành vi là trục xoay của cấu trúc tự sự. Tuy nhiên, việc nghiên cứu cách thức các nguồn lực ngôn ngữ đánh giá cũng như *Phán xét* vận hành trong văn học dân gian nói chung và truyện cười dân gian Việt Nam nói riêng vẫn còn khá hạn chế. Chính vì vậy, chúng tôi chọn truyện cười dân gian làm đối tượng khảo sát nhằm làm sáng tỏ phương thức nhân dân sử dụng ngôn từ để phê phán thói hư tật xấu và tôn vinh trí tuệ dân gian. Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, Trạng Quỳnh được xem là một trong những truyện cười tiêu biểu, xoay quanh nhân vật Quỳnh, nổi bật với tài năng vận dụng linh hoạt những chiến lược ngôn ngữ tinh tế nhằm chế giễu và làm giảm uy tín của tầng lớp thống trị. Vì vậy, chúng tôi đã lựa chọn 30 truyện cười Trạng Quỳnh làm ngữ liệu khảo sát. Kết quả khảo sát được kỳ vọng sẽ đóng góp vào việc kiểm chứng và mở rộng khả năng vận dụng *Khung đánh giá* đối với ngữ liệu tiếng Việt. Trong bài báo này, chúng tôi giới hạn phạm vi khảo sát ở các *Phán xét* hiển ngôn có nghĩa tường minh, không bao gồm các trường hợp hàm ngôn phụ thuộc vào suy luận ngữ cảnh.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái quát về *Khung đánh giá* của Martin và White (2005)

Khung đánh giá do Martin và White (2005) phát triển (sau đây gọi tắt là *Khung đánh giá*), là một mô hình phân tích cách sử dụng ngôn ngữ biểu đạt thái độ, các mối quan hệ liên nhân và vị thế giao tiếp trong diễn ngôn, gồm ba hệ thống chính: *Thái độ* (Attitude), *Giọng điệu* (Engagement) và *Thang độ* (Graduation).

¹ Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: vietlenn44@gmail.com

² Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: hoaitt@hau.edu.vn

Thái độ đề cập đến chủ thể đánh giá thể hiện *Cảm xúc* (Affect), *Phán xét* (Judgement) và *Thẩm giá* (Appreciation) với đối tượng được đánh giá. Như vậy, cấu trúc của *Khung đánh giá* gồm:

- Chủ thể đánh giá: người hoặc vật bày tỏ cảm xúc, sự phán xét hay thẩm giá (đánh giá đối tượng)
- Đối tượng được đánh giá: là người hoặc vật bị/được đánh giá/ phán xét /thẩm giá
- Nội dung đánh giá: bày tỏ cảm xúc, sự phán xét hay thẩm giá (đánh giá đối tượng) thông qua nguồn lực từ vựng hoặc ngữ pháp. (Lê Thị Lan Anh, Trương Thị Mỹ Hậu, 2024: 4).

2.2. Phán xét trong phạm trù Thái độ

Phạm trù *Thái độ* được Martin và White phân chia thành ba tiểu phạm trù là *Tác động* (Affect), *Phán xét* (Judgement) và *Thẩm giá* (Appreciation). “*Tác động* là nguồn lực ngôn ngữ sử dụng để bày tỏ tình cảm, cảm xúc: hạnh phúc, buồn, sợ, không thích... (Nguyễn Thị Hương Lan, 2018: 20). *Thẩm giá* “để đánh giá chất lượng về mặt thẩm mỹ hay những cảm nghĩ, tầm quan trọng đối với quá trình và hiện tượng tự nhiên: đáng kể, ao ước, hài hoà, thanh lịch, đổi mới... (Nguyễn Thị Hương Lan, 2018: 20). Còn *Phán xét* “được sử dụng để thể hiện đánh giá về mặt đạo đức đối với những hành vi và tính cách của con người” (Nguyễn Thị Hương Lan, 2018: 20), được hai nhóm: *Thuộc tính cá nhân* và *Chuẩn mực xã hội*. Mỗi một loại trong các nhóm đó đều có tính phân cực - tích cực và tiêu cực. Theo Martin và White (Martin & White, 2005: 52), cả *Thuộc tính cá nhân* và *Chuẩn mực xã hội* đều được hiện thực hoá qua nguồn lực từ vựng (từ ngữ) và ngữ pháp (các cấu trúc câu).

a) *Thuộc tính cá nhân* (Social Esteem) “quan tâm đến việc ngợi khen hoặc chỉ trích những thuộc tính cá nhân, không có hàm ý liên quan đến luật pháp mà là vấn đề văn hoá (...). *Thuộc tính cá nhân* được chia thành ba tiểu loại: *Thông thường*, *Khả năng* và *Chân thực*.

Thông thường (Normality): đề cập đến hành vi của một cá nhân được xem là bình thường/khác thường hay nổi bật..., qua đó đánh giá cá nhân dựa trên cách hành xử của họ phù hợp hay lệch khỏi những khuôn mẫu quen thuộc hoặc được mong đợi. Để phân chia hành vi/ đặc tính cá nhân của một người có thuộc tiểu loại này không thì sẽ trả lời câu hỏi: Anh ấy/cô ấy có gì đặc biệt, nổi bật hay khác thường không? *Thông thường* sẽ được phân chia thành tích cực (thể hiện thông qua các từ *may mắn, viên mãn, thời trang, bình thường, thịnh hành, nổi tiếng...*) và tiêu cực (thể hiện thông qua các từ *không may, đen đui, kì quặc, lạc hậu, khác thường, vô danh, mờ nhạt...*)

- *Khả năng* (Capacity): đề cập đến sự thông minh, tài giỏi, khéo léo hay kém cỏi của cá nhân qua các nguồn lực từ vựng như *giỏi, thông minh, tài trí, có tài, có năng lực, nhạy bén...* (tích cực) và *vụng về, yếu đuối, non nớt, kém cỏi, chậm chạp, ngu ngốc...* (tiêu cực). *Khả năng* sẽ trả lời cho câu hỏi: Anh ấy/ cô ấy có năng lực gì?

- *Sự Kiên trì/Độ đáng tin* (Tenacity): đề cập đến việc đánh giá ý chí, sự kiên trì, bền bỉ, kiên định hoặc ngược lại, thiếu quyết tâm, dễ lung lay và thiếu tính kiên định, được thể hiện qua các từ ngữ: *dừng cảm, tin tưởng, bền bỉ, cẩn thận, kiên nhẫn, kiên trì, gan góc, bạo dạn* (tích cực) và *hèn hạ, mất kiên nhẫn, cẩu thả, hèn nhát, nhút nhát* (tiêu cực). Với tiểu loại thứ ba này sẽ trả lời cho câu hỏi: Anh ấy/cô ấy có kiên trì/đáng tin không?

b) *Chuẩn mực xã hội* (Social Sanction): “thường được hệ thống hoá bằng văn bản, dưới dạng các sắc lệnh, nghị định, quy tắc, quy định và luật lệ về cách cư xử dưới sự giám sát của nhà thờ và nhà nước - với các hình phạt và biện pháp trừng phạt như là công cụ để trừng trị những người không tuân thủ quy tắc. Việc chia sẻ các giá trị trong lĩnh vực này là nền tảng của nghĩa vụ công dân và các nghi lễ tôn giáo...” (Martin & White, 2005: 52). Phạm trù này bao gồm hai tiểu loại:

- *Chân thực* (Veracity): đề cập đến việc đánh giá sự trung thực và tính xác tín của cá nhân, xem

xét mức độ họ nói thật, chân thành trong giao tiếp và hành xử. Các giá trị tích cực của *Chân thực* được thể hiện bằng các nguồn lực từ vựng: *trung thực, thật thà, thẳng thắn, đáng tin cậy*... Còn các đánh giá tiêu cực được thể hiện bằng các nguồn lực từ vựng: *dối trá, thiếu trung thực, xảo trá, đạo đức giả*...

- *Phép tắc/Đạo đức* (Propriety): đề cập đến việc đánh giá hành vi đạo đức, xem xét mức độ phù hợp của cá nhân với các chuẩn mực đạo đức đang được thừa nhận trong xã hội. Các đánh giá tích cực về *Đạo đức* được thể hiện bằng các nguồn lực từ vựng: *tốt bụng, công bằng, có đạo đức, hào phóng* và ngược lại, các đánh giá tiêu cực được thể hiện bằng các nguồn lực: *tàn nhẫn, tha hoá, ích kỉ, bất nhân*...

Với quan điểm áp dụng *Khung đánh giá* của Martin và White một cách linh hoạt do các mục đích nghiên cứu khác nhau, sử dụng trong các bối cảnh khác nhau nên *Khung đánh giá* được Thu Ngo và Len Unsworth (2015) điều chỉnh, bổ sung khi nghiên cứu trường hợp ở Úc. Kết quả nghiên cứu của Thu Ngo và Len Unsworth chỉ ra rằng “hệ thống *Phán xét* với các tiểu loại *Kiên trì, Phép tắc/Đạo đức* và *Chân thật* có thể đáp ứng đầy đủ dữ liệu. Tuy nhiên, *Thông thường* và *Khả năng* có thể được mở rộng để bao gồm những lựa chọn tinh tế hơn” (Thu Ngo & Len Unsworth, 2015:16). Thu Ngo & Len Unsworth đã chia nhỏ *Thông thường* thành *May mắn, Danh tiếng* và *Ứng xử*. Còn *Khả năng* được cụ thể hoá qua *Khả năng trí tuệ* (năng lực nhận thức, tri nhận và những vấn đề liên quan đến học thuật, chuyên môn); *Khả năng xã hội* (năng lực liên nhân) và *Khả năng vật chất* (năng lực thể chất, kĩ thuật).

3. Nguồn ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

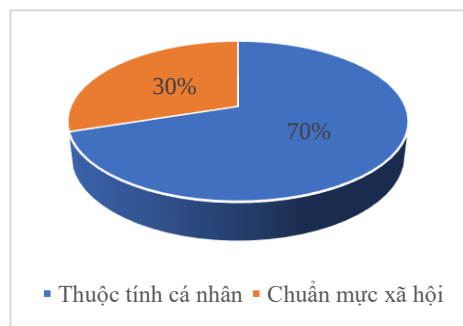
Chúng tôi tiến hành thống kê các nguồn lực ngôn ngữ thể hiện *Phán xét* trong 30 truyện Trạng Quỳnh, phân chia chúng vào từng tiểu loại. Thủ pháp định lượng này đã giúp chúng tôi xác định được số lượng, tần suất xuất hiện của yếu tố ngôn ngữ thể hiện *Phán xét*. Sau khi tiến hành phân tích định lượng là bước tiến phân tích định tính, cho các kết quả về đặc điểm, vai trò của của nguồn lực ngôn ngữ thể hiện *Phán xét* của chủ thể đánh giá.

TQ1	<i>Bà chúa mắc lừa</i>	TQ16	<i>Quyển sách quý</i>
TQ2	<i>Ăn trộm mèo</i>	TQ17	<i>Gà chọi sống thiến</i>
TQ3	<i>Nhật bã trầu</i>	TQ18	<i>Bức tranh ngũ quả</i>
TQ4	<i>Dòm nhà Quan Bàng</i>	TQ19	<i>Vụ kiện chôn sách</i>
TQ5	<i>Dê đực chữa</i>	TQ20	<i>Thư gửi bà giáo Thụ</i>
TQ6	<i>Trà ơn chúa Liễu</i>	TQ21	<i>Đơn xin chôn trâu</i>
TQ7	<i>Câu đố</i>	TQ22	<i>Chửi cha thằng Bảo Thái</i>
TQ8	<i>Trả nợ anh lái đò</i>	TQ23	<i>Quan thị và quan võ hỗn chiến</i>
TQ9	<i>Vay tiền Chúa</i>	TQ24	<i>Ngoạ sơn</i>
TQ10	<i>Đầu to bằng cái bô</i>	TQ25	<i>Tượng bà Đanh</i>
TQ11	<i>Lệnh vua ban</i>	TQ26	<i>Phơi sách</i>
TQ12	<i>Quả đào trường thọ</i>	TQ27	<i>Đón sứ Tàu</i>
TQ13	<i>Hũ tương đại phong</i>	TQ28	<i>Thi vẽ</i>
TQ14	<i>Làm thơ xin ăn</i>	TQ29	<i>Đá gà với quan thị</i>
TQ15	<i>Ông nọ, bà kia</i>	TQ30	<i>Trạng chết chúa cũng băng hà</i>

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Sự phân bố các nguồn lực thể hiện *Phán xét* trong truyện Trạng Quỳnh

Phán xét là phạm trù tạo nghĩa, được thực hiện thông qua các nguồn lực từ vựng (từ ngữ) và ngữ pháp (các cụm từ/cấu trúc câu). Phân tích định lượng thu được kết quả 120 nguồn lực ngôn ngữ thể hiện *Phán xét* và được phân chia thành *Thuộc tính cá nhân* và *Chuẩn mực xã hội* với tỉ lệ như sau:



Hình 1. Tỷ lệ giữa Thuộc tính cá nhân và Chuẩn mực xã hội

Sự chênh lệch về tỉ lệ giữa hai tiểu phạm trù *Thuộc tính cá nhân* và *Chuẩn mực xã hội* góp phần khẳng định thể loại truyện cười dân gian ưu tiên các *Phán xét* mang tính đời thường, trong cuộc sống thường nhật hơn là những đánh giá gắn với luân thường đạo lý, gắn với các quy tắc và tính pháp lý. Điều này phù hợp với chức năng thể loại của truyện cười: phê phán xã hội thông qua các tình tiết gây cười chứ không nhằm tuyên án *Đạo đức* một cách nghiêm khắc. Hơn nữa, các tuyến nhân vật bị/được phán xét thường là Vua, quan lại nên nếu dùng các phép tắc, luật lệ... thì sẽ bị khép vào tội “khí quân, phạm thượng”. Chính vì vậy, việc phán xét theo *Chuẩn mực xã hội* sẽ dễ đặt hơn.

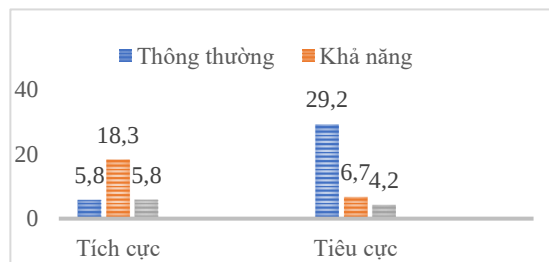
Trong các tiểu loại của *Thuộc tính cá nhân* và *Chuẩn mực xã hội* lại có sự phân bố tương đối không đồng đều, được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. Tỷ lệ phân bố Thuộc tính cá nhân và Chuẩn mực xã hội

Phạm trù	Tiểu phạm trù	Tích cực	Tiêu cực	Tổng
Thuộc tính cá nhân	Thông thường	7 (5,8%)	35 (29,2%)	42 (35%)
	Khả năng	22 (18,3%)	8 (6,7%)	30 (25%)
	Kiên trì	7 (5,8%)	5 (4,2%)	12 (10%)
Chuẩn mực xã hội	Chân thật	7 (5,8%)	11 (9,2%)	18 (15%)
	Phép tắc/Đạo đức	3 (2,5%)	15 (12,5%)	18 (15%)

Nhìn bảng trên ta thấy, cả *Thuộc tính cá nhân* lẫn *Chuẩn mực xã hội* đều có tỉ lệ *Phán xét* tiêu cực vượt trội hơn tích cực (62% so với 38%). Sự bất đối xứng này phù hợp với chức năng trào phúng của thể loại, vốn tập trung vào việc phê phán và chế giễu tầng lớp cầm quyền phong kiến.

a) Thuộc tính cá nhân



Hình 2. Tỷ lệ Thuộc tính cá nhân theo tính phân cực. Nhìn vào biểu đồ, có thể thấy sự phân bố không cân đối giữa các tiểu phạm trù *Thông thường*, *Khả năng* và *Kiên trì*, cho thấy chiến lược đánh giá đặc trưng của truyện cười dân gian Trạng Quỳnh. Trước hết, ở bình diện *Phán xét* tích cực, *Khả năng* chiếm tỉ lệ cao nhất (18,3%), vượt trội so với *Thông thường* và *Kiên trì* (cùng 5,8%). Điều này cho thấy nguồn lực đánh giá tích cực trong truyện chủ yếu được dùng để nhận xét về Quỳnh và dân thường, qua đó khẳng định hình tượng người dân thông minh có thể vượt qua quyền lực và lễ giáo hình thức.

Ví dụ 1: *Cái thằng ôn con này hay thật!* (TQ5)

(2) *Vua và các quan đi hộ giá đều bật cười, biết đứa bé này có tài, ứng vào ngôi sao sáng, liền thưởng tiền* (TQ5)

Ngược lại, ở bình diện *Phán xét* tiêu cực, *Thông thường* chiếm tỉ lệ áp đảo (29,2%), cao hơn rất nhiều so với *Khả năng* (6,7%) và *Kiên trì* (4,2%). Sự chênh lệch này cho thấy cơ chế gây cười chủ đạo của truyện Trạng Quỳnh nằm ở việc phơi bày sự lệch chuẩn, lố bịch và “trái vai xã hội” của các nhân vật bị mang ra tạo tiếng cười. Nói cách khác, nhân vật bị cười nhạo trước hết là vì họ không hành xử như những gì xã hội kì vọng ở vai trò của họ, từ đó kéo theo các *Phán xét* tiêu cực khác. Tuy nhiên, ở cực tiêu cực cũng có những *Phán xét* mà tầng lớp Vua, quan lại dành cho Trạng Quỳnh vì Trạng Quỳnh là một nhân vật không được ưa thích.

(3) *Hắn có cô con gái tuy đẹp nhưng cũng nổi tiếng không kém cha về cái thói chua ngoa đanh đá* (TQ14)

(4) *Thằng này mới dở hơi chứ!* (TQ5)

(5) *Riêng Quỳnh thì biết rõ: cái đám quan văn võ ăn trên ngồi trốc ấy đúng là một bọn vô lại dốt nát.* (TQ23)

Nhìn tổng thể, biểu đồ phản ánh rõ một chiến lược đánh giá mang tính đối lập: *Khả năng* được dùng chủ yếu để khen (tôn vinh Trạng Quỳnh và dân thường), còn *Thông thường* được dùng chủ yếu để chê (hạ thấp đối tượng bị trêu chọc), trong khi *Kiên trì* đóng vai trò thứ yếu. Phân bố này củng cố nhận định rằng truyện cười Trạng Quỳnh là một thể loại tự sự, trong đó tiếng cười được kiến tạo chủ yếu từ sự đối lập giữa trí tuệ dân gian và sự lệch chuẩn của quyền lực - trí thức giả, phù hợp với chức năng xã hội và chiến lược thể loại của truyện cười dân gian Việt Nam.

b) *Chuẩn mực xã hội*

Biểu đồ cho thấy *Phán xét* tiêu cực có sự chênh lệch lớn so với *Phán xét* tích cực ở cả hai tiểu phạm trù *Chân thật* và *Phép tắc/Đạo đức*, qua đó phản ánh cách thức truyện cười dân gian Trạng Quỳnh triển khai phê phán xã hội thông qua tiếng cười. Cụ thể, ở tiểu phạm trù *Chân thật* (Veracity), số trường hợp *Phán xét* tiêu cực là 9,2%, cao hơn đáng kể so với *Phán xét* tích cực (5,8%).

(6) *Không thấy xấu hổ thì thôi, hắn còn đọc một câu chữa thẹn **xác xược**.* (TQ 27)

(7) *Quan võ dù sao cũng đắc lực hơn chứ, không có võ thì vẫn sống sao nổi, thế mà lại tìm cách **chơi khăm** ngài...!* (TQ 23)

Trong khi đó, việc đề cao sự *Chân thật* chỉ xuất hiện ở mức độ hạn chế, chủ yếu gắn với Trạng Quỳnh như một hệ quả gián tiếp của các màn đối đáp thông minh. Ở tiểu phạm trù *Phép tắc/Đạo đức* (Propriety), sự chênh lệch còn rõ nét hơn: *Phán xét* tiêu cực chiếm tới 12,5%, trong khi *Phán xét* tích cực chỉ đạt 2,5%. Phân bố này cho thấy truyện cười Trạng Quỳnh thiên về phê phán hành vi trái *Phép tắc* xã hội, bị xã hội lên án hơn là khẳng định các giá trị *Đạo đức* một cách trực tiếp.

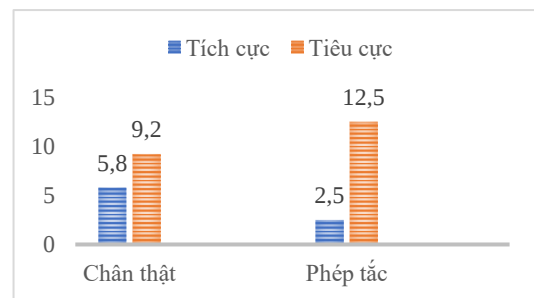
3.2. Sự phân bố các nguồn lực thể hiện *Phán xét* ở các tuyến nhân vật

Khi khảo sát truyện cười Trạng Quỳnh, chúng tôi nhận thấy có 4 tuyến nhân vật xuất hiện chủ yếu là Trạng Quỳnh, Vua, quan lại và dân thường. Tuy nhiên, còn một nhân tố không xuất hiện trong truyện nhưng vẫn thể hiện sự phán xét của mình đó là *người kể chuyện*. Chúng tôi sẽ xem xét sự phân bố các nguồn lực thể hiện *Phán xét* ở các nhân vật khi họ là chủ thể đánh giá và đối tượng bị/được đánh giá.

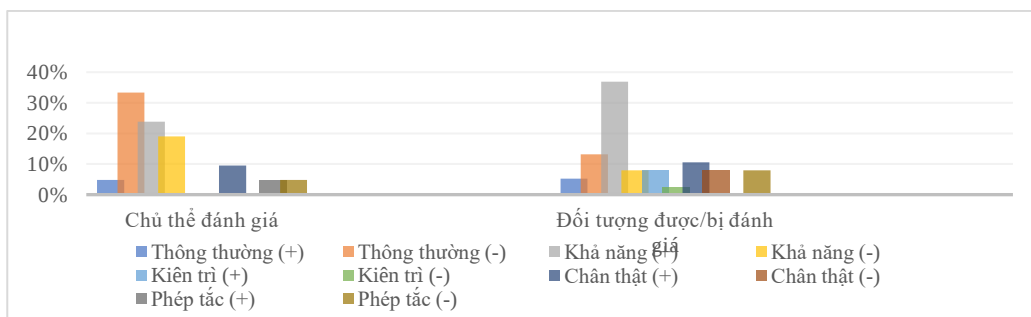
3.2.1. *Trạng Quỳnh*

Với tư cách chủ thể đánh giá, Trạng Quỳnh sử dụng *Phán xét* chủ yếu thuộc phạm trù *Thuộc tính cá nhân*. Trong đó, *Thông thường* - tiêu cực chiếm tỉ lệ cao nhất (33,3%), cho thấy nhân vật trung tâm thường xuyên hạ thấp sự “bình thường”, “đúng mực” của Vua, quan lại nhằm tạo hiệu ứng châm biếm. Bên cạnh đó, *Khả năng* - tích cực chiếm 23,8%, trong khi *Khả năng* - tiêu cực là 19,0%, phản ánh chiến lược đánh giá hai chiều: vừa tự khẳng định trí tuệ của bản thân/ người dân hoặc “nịnh” Vua, quan lại, vừa làm nổi bật sự kém cỏi của Vua/quan lại. Đáng chú ý, Trạng Quỳnh hầu như không sử dụng các tiêu loại thuộc *Chuẩn mực xã hội*, điều này cho thấy nhân vật Quỳnh không đóng vai trò người phán xử *Đạo đức* mà chỉ sử dụng những *Phán xét* đơn thuần là tác nhân gây cười.

Ở chiều ngược lại, khi Trạng Quỳnh là bị thể đánh giá, các *Phán xét* mang phân cực tích cực chiếm ưu thế rõ rệt. Nổi bật nhất là *Khả năng* - tích cực với 36,84%, tiếp đến là *Chân thật* - tích cực (10,53%) và *Kiên trì* - tích cực (7,89%).



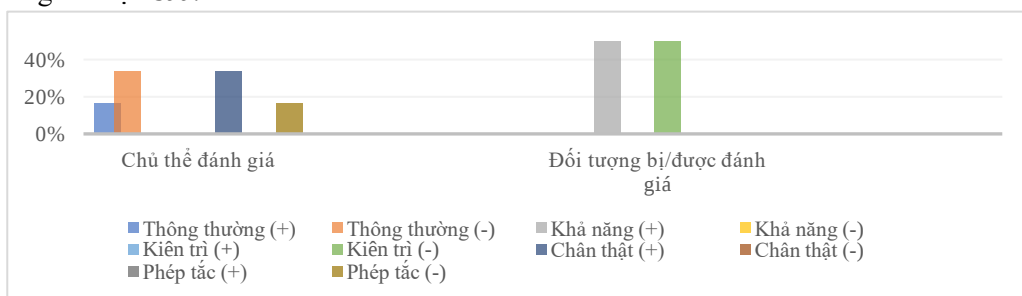
Hình 3. Tỉ lệ Chuẩn mực xã hội theo phân cực



Hình 4. Tỷ lệ Phán xét thể hiện ở nhân vật Trạng Quỳnh

3.2.2. Vua

Trong vai trò chủ thể đánh giá, vua chỉ thực hiện một số lượng *Phán xét* hạn chế (6 lượt), chủ yếu là *Thông thường* - tiêu cực (33,33%) và *Chân thật* - tích cực (33,33%). Các *Phán xét* này thường xuất phát từ vị thế quyền lực, song không giữ vai trò chi phối tiến trình truyện, và thường bị vô hiệu hoá trong các giai đoạn sau.



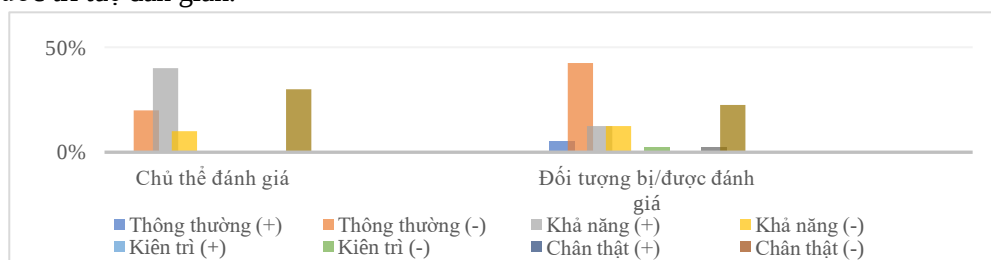
Hình 5. Tỷ lệ Phán xét thể hiện ở nhân vật Vua

Khi là bị thể đánh giá, vua lại chịu rất ít *Phán xét* và gần như không xuất hiện các tiêu loại mạng tính *Đạo đức* trực diện. Điều này cho thấy diễn ngôn dân gian có xu hướng tiết chế việc phê phán quyền lực tối cao, phản ánh đặc trưng văn hoá của truyện cười: phê phán nhưng không đối đầu trực diện.

3.2.3. Quan lại

Quan lại là tuyến nhân vật nổi bật nhất khi xét ở vai trò bị thể đánh giá. Các *Phán xét* nhằm vào tuyến này chiếm tỷ lệ cao và mang tính tiêu cực rõ rệt, đặc biệt là *Thông thường* - tiêu cực (42,5%), *Phép tắc* - tiêu cực (22,5%) và *Khả năng* - tiêu cực (12,5%). Sự tập trung này cho thấy truyện cười Trạng Quỳnh chủ yếu giải cấu trúc quyền lực trung gian bằng cách phơi bày sự lố bịch, bất tài và lệch chuẩn *Đạo đức* của tầng lớp này.

Ở chiều chủ thể đánh giá, quan lại chỉ thực hiện một số ít *Phán xét* (10 lượt), trong đó *Phép tắc* - tiêu cực chiếm 30,0% và *Khả năng* - tích cực chiếm 40,0%. Tuy nhiên, các *Phán xét* này thường mang tính áp đặt, “chửi thẹn” do bị Quỳnh chơi xỏ, qua đó càng làm nổi bật sự thất bại của quyền lực chính thống trước trí tuệ dân gian.



Hình 6. Tỷ lệ Phán xét thể hiện ở nhân vật quan lại

Dựa trên bảng thống kê đặc điểm ngôn ngữ của các nguồn lực thể hiện *Phán xét* trong truyện cười dân gian Trạng Quỳnh, có thể rút ra một số nhận xét về cách thức hiện thực hoá *Phán xét* ở bình diện ngôn ngữ như sau:

Đầu tiên, chúng ta có thể thấy tính từ là phương tiện ngôn ngữ chiếm ưu thế tuyệt đối trong việc hiện thực hoá *Phán xét*, với 80 lượt, tương ứng 66,67% tổng số trường hợp. Điều này cho thấy *Phán xét* trong truyện cười Trạng Quỳnh chủ yếu được biểu đạt thông qua các đơn vị từ vựng mang tính chất miêu tả, đánh giá trực tiếp phẩm chất, năng lực hoặc tư cách xã hội của con người. Đặc biệt, các tiểu loại thuộc phạm trù *Thuộc tính cá nhân* như *Thông thường* và *Khả năng* thường được mã hoá bằng tính từ mang sắc thái đánh giá: *nổi tiếng, tinh nghịch, tài giỏi...* (tích cực); *lẩn thẩn, dốt, dốt nát...* (tiêu cực), qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho hiệu ứng châm biếm và gây cười, giữ vai trò quan trọng trong việc khắc hoạ hình tượng trí tuệ dân gian của Trạng Quỳnh.

(8) Anh kia viết xong, cô gái **thật thà** cầm đơn vào trình quan. (TQ21)

(9) Từ ngày trường quan Bàng có Quỳnh, bao nhiêu học trò danh sĩ đều phải nhận Quỳnh **tài giỏi** hơn cả. (TQ4)

(10) Lão trọc phú rất **dốt** nhưng lại thích nói chữ. (TQ26)

Bên cạnh tính từ, động từ là phương tiện ngôn ngữ quan trọng thứ hai, với 22 lượt, chiếm 18,33%. Các động từ thể hiện *Phán xét* thể hiện hành vi, cách ứng xử hoặc lời nói của nhân vật. Đặc điểm này đặc biệt rõ ở các tiểu loại *Chân thật* và *Phép tắc* thuộc phạm trù *Chuẩn mực xã hội*, nơi các động từ như *lừa, dối, ăn nói, cư xử* không trực tiếp gán nhãn *Đạo đức*, nhưng lại đủ để người đọc suy ra sự lệch chuẩn hoặc phi *Đạo đức* của đối tượng bị đánh giá. Việc dùng động từ trong các *Phán xét* cho thấy truyện cười Trạng Quỳnh có cách đánh giá thông qua hành vi cụ thể.

(11) Tại một làng thuộc tỉnh nọ có tên địa chủ giàu có nứt vách, lại nổi tiếng gian ác và hay **hà hiếp** dân lành. (TQ14)

(12) Thế ra lâu nay nhà người tàng trữ sách chế giễu Chúa, lại còn **thoá mạ** những bầy tôi trung thành của Chúa. (TQ16)

(13) Người vợ xa chồng, thỉnh thoảng ngửa nghề, **tằng tịu** với mấy tay chức dịch trong làng. (TQ20)

Các danh từ xuất hiện với tần suất rất thấp (1lượt - 0,8%), cho thấy việc gán nhãn đánh giá bằng cách dùng danh từ không phải là chiến lược chủ đạo của thể loại. Điều này phù hợp với đặc trưng của truyện cười dân gian, nơi việc quy kết phẩm chất thường được thực hiện trực tiếp thông qua tính từ, hơn là thông qua danh từ đánh giá mang tính khái quát.

(14) Vua và các quan đi hộ giá đều bật cười, biết đùa bé này có **tài**, ứng vào ngôi sao sáng, liền thưởng tiền. (TQ5)

Phó từ xuất hiện ít, tương tự danh từ, việc dùng phó từ để thể hiện *Phán xét* không phải là lựa chọn được ưu tiên. Hai phó từ này đều thể hiện sự kiên định.

(15) Quỳnh **nhất định** hỏi cho ra, ông bố phải kể thực cho nghe. (TQ5)

(16) Quỳnh **một mực** tau là sách chẳng đáng xem. (TQ16)

Với cụm từ cố định và cụm từ tự do lần lượt chiếm 4,2% và 7,5%. Mặc dù tần suất không cao, song các đơn vị này có giá trị biểu cảm và văn hoá rõ rệt. Thành ngữ và cụm từ thường xuất hiện trong các *Phán xét* tiêu cực, góp phần tăng cường sắc thái mỉa mai, châm biếm và gắn kết *Phán xét* với tri thức văn hoá dân gian chung của cộng đồng tiếp nhận. Điều này cho thấy *Phán xét* trong truyện cười không chỉ là hiện tượng ngôn ngữ, mà còn là sản phẩm của kinh nghiệm văn hoá tập thể.

(17) Trong những thôn ấy có lắm kẻ giàu có nhưng biếng nhác, **cậy thần cậy thế** nên chẳng ai dám động tới chúng. (TQ15)

(18) Riêng Quỳnh thì biết rõ: cái đám quan văn võ **ăn trên ngồi trốc** ấy đúng là một bọn vô lại dốt nát. (TQ23)

Cuối cùng, cấu trúc câu chỉ xuất hiện 1 lượt (0,83%), cho thấy *Phán xét* hiếm khi được hiện thực hoá bằng các cấu trúc cú pháp phức tạp hay chiến lược diễn ngôn kéo dài. Thay vào đó, truyện cười Trang Quỳnh ưu tiên các đơn vị từ vựng ngắn gọn, dễ nhận diện, phù hợp với nhịp kể nhanh và mục đích gây cười tức thời của thể loại. Cấu trúc “*không thể + động từ + được nữa*” thể hiện sự mất kiên nhẫn (*Kiên trì (-)*).

Ví dụ (19): *Vua đòi quá bèn nói: - Không thể đợi được nữa.* (TQ13)

Tổng thể, sự phân bố các đặc điểm ngôn ngữ cho thấy *Phán xét* trong truyện cười dân gian Trang Quỳnh được hiện thực hoá chủ yếu bằng nguồn lực tính từ. Sự áp đảo của tính từ trong hệ thống nguồn lực ngôn ngữ thể hiện *Phán xét*, vượt trội rõ rệt so với động từ, danh từ cũng như các cụm từ và cấu trúc cú pháp. Hiện tượng này phản ánh đặc trưng của *Phán xét* như một tiêu hệ thống đánh giá tập trung vào việc gán thuộc tính cho con người, trong đó tính từ là phương tiện ngôn ngữ trực tiếp và gọn nhẹ nhất để mã hoá các phẩm chất cá nhân và *Chuẩn mực xã hội*. Các tính từ đánh giá cho phép người kể truyện nhanh chóng định danh giá trị (tốt/xấu, phải/trái) mà không cần triển khai các cấu trúc diễn ngôn phức tạp, qua đó tạo nên sự đồng thuận nhanh chóng giữa người kể và người tiếp nhận.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã khảo sát hệ thống các nguồn lực ngôn ngữ thực thi chức năng *Phán xét* (Judgement) trong 30 truyện cười dân gian Trang Quỳnh dựa trên Khung đánh giá của Martin & White (2005). Kết quả phân tích định lượng và định tính cho thấy sự phân bố không đồng đều giữa các tiêu loại; trong đó, nhóm *Thuộc tính cá nhân* (Social Esteem) chiếm ưu thế áp đảo so với *Chuẩn mực xã hội* (Social Sanction). Khuynh hướng này phản ánh đặc trưng tiếng cười dân gian chủ yếu nảy sinh từ việc đánh giá, so sánh và đảo chiều các hành vi, phẩm chất cá nhân (đặc biệt là *Thông thường* và *Khả năng*), hơn là từ việc phán xử đạo đức trực tiếp. Các phán xét tiêu cực về tính *Thông thường* được vận dụng dày đặc nhằm phơi bày sự lệch chuẩn, phi lí của tầng lớp cai trị. Ngược lại, các *Phán xét* tích cực về *Khả năng* tập trung vào nhân vật Trang Quỳnh, qua đó kiến tạo hình tượng trí tuệ dân gian ưu việt đối lập với quyền lực chính thống. Đối với *Chuẩn mực xã hội*, các tiêu loại *Chân thật* và *Phép tắc* tuy xuất hiện với tần suất thấp hơn nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc phê phán sự tha hoá đạo đức và lạm dụng quyền lực. Sự phân bố *Phán xét* theo tuyến nhân vật bộc lộ một trật tự diễn ngôn chặt chẽ và cấu trúc quyền lực xã hội. Người kể chuyện giữ vai trò chủ thể đánh giá chi phối, định hướng lập trường cho người tiếp nhận. Trong khi Trang Quỳnh sử dụng *Phán xét* như công cụ đối kháng trí tuệ để hạ thấp đối phương, thì quan lại là đối tượng bị phán xét. Riêng hình tượng Vua được phán xét tiết chế hơn, phản ánh đặc trưng văn hoá trong việc tiếp cận quyền lực tối cao. Về phương diện ngôn ngữ, tính từ chiếm ưu thế tuyệt đối trong việc hiện thực hoá các giá trị đánh giá, phù hợp với bản chất gán thuộc tính và yêu cầu tạo hiệu ứng gây cười nhanh của truyện cười.

Nghiên cứu khẳng định khả năng vận dụng hiệu quả Khung đánh giá vào phân tích diễn ngôn dân gian Việt Nam. Kết quả đạt được đã làm sáng tỏ cơ chế hoạt động của ngôn ngữ trong việc kiến tạo ý nghĩa trào phúng. Nghiên cứu cũng đã đưa ra định hướng hữu ích cho việc giảng dạy văn học dân gian tại trường phổ thông, giúp người học nhận diện sâu sắc cơ chế tạo nghĩa và hệ giá trị xã hội, thay vì chỉ dừng lại ở cảm thụ trực giác, từ đó hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đọc hiểu nhân vật và văn bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Thị Lan Anh, Trương Thị Mỹ Hậu. (2024). *Ngôn ngữ đánh giá cảm xúc và Phán xét trong văn bản bình luận về vấn đề xăng dầu trên báo Tuổi trẻ và báo Nhân dân*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 8, tr.3-15.
2. Nguyễn Thị Hương Lan. (2018). *Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá trong sách giáo khoa bậc tiểu học (so sánh sách tiểu học ở Singapore và sách tiếng Việt tiểu học ở Việt Nam)*. NXB Khoa học xã hội.

Tiếng nước ngoài

3. Martin & White. (2005). *The language of Evaluation - Appraisal in English*. Palgrave MacMillan publish.
4. Thu Ngo & Len Unsworth. (2015). *Reworking the Appraisal framework in ESL research: refining attitude resource*. Functional Linguistics, a Springer Open Journal. 2:1. pp.1 - 24.